TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 207/2024/DS-GĐT
Ngày: 06/08/2024
V/v: *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng;

Các Thẩm phán: ông Hoàng Thanh Dũng;

ông Trần Văn Mười.

***Thư ký phiên tòa*:** ông Lê Văn Duẩn, Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 06/08/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP H2 (M);

Địa chỉ (trụ sở chính): E N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ (tại Thành phố Hồ Chí Minh): tầng 23, tòa nhà NTR-số A N, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của M (giấy ủy quyền số 7061/2021/GUQ-TGĐ12 ngày 13/10/2021):

-Ông Ngô Hùng S, sinh năm 1987, là cán bộ Phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân.

2/Bị đơn:

2.1/Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1980;

2.2/Ông Nguyễn Vũ K, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: tổ 11, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1973;

3.2/Bà Hồ Thị L, sinh năm 1974;

3.3/Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1995;

3.4/Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP H2 (M) như sau:

Vào ngày 08/12/2010, ông Nguyễn Vũ K-bà Lê Ngọc H (ông K-bà H) ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HD1258/HĐTD-MDB với ngân hàng TMCP P (về sau, sáp nhập thành M) để vay số tiền 160.000.000 đồng, mục đích vay: nuôi cá, lãi suất vay là 1,6%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên, ngày đáo hạn là 08/06/2011; trả nợ gốc và lãi cuối kỳ vào ngày đáo hạn.

Vào cùng ngày 08/12/2010, ông K-bà H ký kết hợp đồng số HD1258/HĐTC-MDB, thế chấp thửa đất số 46, tờ bản đồ số 034, diện tích là 405,2m^2 tọa lạc tại ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 03885/QSDĐ/KA ngày 20/05/2003 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố L cấp cho ông K.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K-bà H không trả nợ gốc, nợ lãi cho ngân hàng. Vì vậy, MSB khởi kiện, đòi ông K-bà H phải trả nợ như sau:

-Trả nợ gốc là 160.000.000 đồng;

-Trả nợ lãi (tạm tính đến ngày 23/02/2022) là (412.853.133 đồng nợ lãi trong hạn + 198.208.000 đồng nợ lãi quá hạn) = 611.061.133 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu đối với phần lãi trong hạn, quá hạn mà bà Lê Ngọc H, ông Nguyễn Vũ K còn nợ, trong đó gốc và lãi tạm đến ngày 23/02/2022 là 770.999.333 đồng, trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn là 412.853.133 đồng, nợ lãi quá hạn là 198.208.000 đồng.

Nếu ông K-bà H không trả nợ/trả nợ không đầy đủ, MSB yêu cầu tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ,

Bị đơn là ông K-bà H trình bày ý kiến như sau:

Ông K-bà H thừa nhận có nợ gốc, nợ lãi như phía MSB trình bày nói trên, nhưng đề nghị MSB giảm bớt tiền lãi để họ có thể trả được nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H1 (ông H1) trình bày ý kiến như sau:

Thửa đất mà ông K-bà H thế chấp, là tài sản của ông-bà nội tặng-cho ông K. Hiện nay, ông H1 đang quản lý nhà và đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh D, bà Hồ Thị L, ông Nguyễn Thanh V vắng mặt, không trình bày ý kiến tại Tòa án.

Tại bản án sơ thẩm số 202/2022/DS-ST ngày 15/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã xét xử như sau:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H2 đối với bị đơn Nguyễn Vũ K, Lê Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Vũ K, Lê Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP H2 số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 15/11/2022 là 811.269.333đồng (tám trăm mười một triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 16.437.333 đồng (trừ 72.000 đồng tiền lãi trong hạn đã trả), lãi quá hạn là 634.904.000đồng.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và việc thi hành bản án.

Ngày 09/12/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Thanh D1 và và Hồ Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại bản án phúc thẩm số 48/2023/DS-PT ngày 08/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử như sau:

-Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh D, bà Hồ Thị L;

-Sửa bản án sơ thẩm số 202/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên như sau:

-Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP H2; buộc ông Nguyễn Vũ K và bà Lê Ngọc H phải trả cho ngân hàng TMCP H2 số tiền vốn gốc là 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông K, bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD1258/HĐTC-MDB ngày 08/12/2010 để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh D, bà Hồ Thị L có nhà trên đất (nhà không thuộc sở hữu của người chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Vũ K-bà Lê Ngọc H) nên được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó nếu có nhu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí.

Vào ngày 06/06/2023, Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định số 22/2023/QĐPT để sửa chữa bản án phúc thẩm (vì có sai sót khi đánh máy).

Vào ngày 28/08/2023, M có đơn đề nghị xem xét lại bản án phúc thẩm nói trên theo thủ tục giám đốc thẩm (đơn gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05/9/2023).

Tại quyết định số 106/QĐ-VKS-DS ngày 10/04/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm số 48/2023/DS-PT ngày 08/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án dân sự số 48/2023/DS-PT ngày 08/03/2023, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 202/2022/DS-ST ngày 15/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

Lý do như sau:

-Theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 08/12/2010 giữa ngân hàng và ông K-bà H. Tuy nhiên, cho đến trước khi ra bản sơ thẩm, không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Sau khi xét xử sơ thẩm, phía ông D-bà L (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) mới có đơn kháng cáo và nêu ra yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu áp dụng thời hiệu phải đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án. Như vậy, việc Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu của đương sự, chỉ buộc họ phải trả cho MSB số tiền vốn gốc (là 160.000.000 đồng), là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Vào ngày 08/12/2010, M (bên cho vay) ký kết hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HD1258/HĐTD-MDB, cho ông K-bà H vay số tiền 160.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, đáo hạn là ngày 08/06/2011. Sau khi được giải ngân, ông K-bà H chỉ trả được 72.000 đồng tiền lãi, rồi không trả nữa.

Cho đến tháng 02/2022, M có đơn khởi kiện, đòi ông K-bà H trả số tiền vốn và trả tiền lãi, tính liên tục cho đến ngày 23/02/2022, tổng cộng là 770.989.333 đồng (gồm có: tiền gốc là 160.000.000 đồng; tiền lãi là 611.061.133 đồng).

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, phía ông K-bà H thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng nói trên, đề nghị MSB giảm bớt tiền lãi để họ có thể trả được nợ.

[2]Quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện và về nguyên tắc "Bình đẳng trước pháp luật" như sau:

[2.1]Điều 149 (quy định về thời hiệu) và Điều 429 (quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng) của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như sau:

"*Điều 149:*

1.Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định.

Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan.

2.Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc".

"*Điều 429:*

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".

[2.2]Điều 3 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, như sau:

"*1.Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản*";

Điều 8 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự, như sau:

"*1.Trong tố tụng dân sự mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, địa vị xã hội.*

Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước Tòa án.

2.Tòa án có trách nhiệm bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tố tụng dân sự".

[3]Một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, là nguyên tắc "*Bình đẳng trước pháp luật*". Sự "*Bình đẳng trước pháp luật*" ở đây phải được xét trên cả hai khía cạnh: bình đẳng về quyền/bình đẳng về nghĩa vụ; nguyên tắc này đặt ra nhằm bảo đảm rằng dù có

xuất thân từ "*dân tộc, giới tính, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội"* khác nhau, dù có thể "*trình độ văn hóa, nghề nghiệp, địa vị xã hội"* khác nhau, nhưng tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trước Tòa án. Nói một cách khác, nguyên tắc "*Bình đẳng trước pháp luật*" đặt ra, nhằm để không cho bất cứ ai (có ưu thế về học vấn, địa vị xã hội, giới tính…..) chiếm được "*Ưu thế một cách không hợp pháp*" trước một ai đó "*Yếu thế*" hơn.

Trở lại vụ án nói trên, xét về mặt pháp lý, tại thời điểm MSB có đơn khởi kiện, thì thời hiệu khởi kiện về hợp đồng tín dụng ngày 08/12/2010 đã hết. Trong trường hợp đó, MSB chỉ được quyền đòi lại số tiền vốn gốc (là 160.000.000 đồng) theo hợp đồng tín dụng đã ký kết mà thôi.

Như vậy, sau khi nhận và thụ lý đơn khởi kiện của M (khi thời hiệu khởi kiện đã hết), trước khi khởi động quá trình tố tụng đối với ông K-bà H (và những người liên quan khác), Tòa án cần thiết phải giải thích cho họ biết quy định về thời hiệu khởi kiện, về những quyền và nghĩa vụ mà họ phải có trách nhiệm thực hiện đối với yêu cầu khởi kiện của M, chiếu theo Khoản 2 Điều 8 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 dẫn chiếu nói trên. Chỉ khi nào Tòa án đã thực hiện đầy đủ những việc làm đó và sau đó, ông K-bà H (và những người liên quan khác) vẫn chấp nhận trả đầy đủ cả tiền vốn và tiền lãi cho M, thì Tòa án mới có căn cứ pháp luật buộc họ trả như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì không có cơ sở để xác định rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc giải thích đầy đủ cho ông K-bà H (và những người liên quan khác) biết về những quyền và nghĩa vụ mà họ phải có trách nhiệm thực hiện đối với yêu cầu khởi kiện của M. Trong trường hợp này, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, buộc ông K-bà H phải trả cho MSB số tiền vốn gốc và số tiền lãi, tính từ ngày vay tiền cho đến ngày 15/11/2022, là không đúng pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của M, buộc ông K-bà H phải trả số vốn gốc là 160.000.000 đồng, là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/Không chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm số 106/2024/QĐ-VKS-DS ngày 10/04/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Giữ nguyên bản án phúc thẩm số 48/2023/DS-PT ngày 08/03/2023 (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 22/2023/QĐPT ngày 06/06/2023) của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử vụ án *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn là ngân hàng Thương mại cổ phần H2; bị đơn là ông Nguyễn Vũ K và bà Lê Ngọc H (và những người khác tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

2/Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- TAND Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp Long Xuyên, An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng GĐKTII, Phòng LTHS, HS, THS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng